TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2025/HNGĐ-ST
Ngày 03 – 9 – 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Phan Thị Thu.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Huỳnh Hoàng Khởi
Bà Trương Ánh Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Tô Huyền Trang – *Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.*

Ngày 03 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 377/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn**:* Bà Phạm Thị N, sinh năm: 01/01/1980. Số CCCD 0…..2 cấp ngày 31/10/2023. Địa chỉ: Ấp 8, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là phường A, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

**** Bị đơn:*** Ông Lâm Thanh T, sinh năm: 1972. Số CCCD 0….3. Địa chỉ: Ấp 8, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Nay là phường A, tỉnh Cà Mau. (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 24/4/2025, bản tự khai và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị N trình bày:*

Về hôn nhân: Bà và ông Lâm Thanh T đăng ký kết hôn ngày 25/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, do ông T thiếu quan tâm vợ con, bà và ông T đã ly thân, không còn chung sống vợ chồng từ năm 2019. Bà Phạm Thị N yêu cầu ly hôn với ông Lâm Thanh T.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lâm Đăng K, sinh ngày 09/11/1998 và Lâm Linh N.H, sinh ngày 18/8/2000. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa ông Lâm Thanh T trình bày*: Về thời gian chung sống, thời gian đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng đúng

như bà N trình bày. Nay bà N yêu cầu ly hôn ông đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 người con chung tên Lâm Đăng K, sinh ngày 09/11/1998 và Lâm Linh N.H, sinh ngày 18/8/2000. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bà Phạm Thị N và ông Lâm Thanh T kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 25/3/2010 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau nay là Ủy ban nhân dân Phường A, tỉnh Cà Mau. Bà N yêu cầu ly hôn với ông T. Quan hệ pháp luật mà các bên tranh chấp được xác định là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với ông Lâm Thanh T, Tòa án tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng để triệu tập ông T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến lần thứ hai nhưng ông T đều vắng mặt không rõ lý do. Nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án là đúng theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Bà N và ông T thống xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã. Ông bà đã không còn chung sống khoảng một năm nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn, ông T thống nhất ly hôn, không yêu cầu hàn gắn. Do đó, yêu cầu của bà N có căn cứ nên chấp nhận cho bà N ly hôn với ông T.

[4] Về con chung: Bà N và ông T thống xác định quá trình chung sống có 02 người con chung tên Lâm Đăng K, sinh ngày 09/11/1998 và Lâm Linh N.H, sinh ngày 18/8/2000. Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm nuôi dưỡng. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông T thống xác định tự thỏa thuận về tài sản chung và không có nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đến nay không có cá nhân tổ chức nào yêu cầu trách nhiệm trả nợ của bà N và ông T. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về nợ chung và tài sản chung.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình bà N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 207, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí.

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị N được ly hôn với ông Lâm Thanh T.

Về con chung: Con chung đã trưởng thành. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Về Tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)*, bà Phạm Thị N phải nộp. Ngày 27/6/2025 bà Phạm Thị N đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm ngàn đồng)* tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Cà Mau nay là Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 1- Cà Mau theo lai thu số 0007527 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Phan Thị Thu

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau
- VKSND KV1-Cà Mau;
- UBND P.A, tỉnh Cà Mau
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ - án văn.